

Số: /2027/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2027

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2027**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2020/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC và Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số/TTr-STC-QLG ngày ... tháng ... năm 2026, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2027.

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số-CV/ĐU ngày ... tháng ... năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2027.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tính thuế tài nguyên và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân khai thác tài nguyên nhưng không bán ra hoặc không thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, chứng từ kế toán quy định; tổ chức, cá nhân nộp thuế tài nguyên theo phương pháp ấn định hoặc trường hợp loại tài nguyên xác định được sản lượng ở khâu khai thác nhưng do mô hình tổ chức, khai thác, sàng tuyển, tiêu thụ qua nhiều khâu độc lập nên không có đủ căn cứ để xác định giá bán tài nguyên khai thác; các trường hợp giá bán tài nguyên thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định.

3. Tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân khác liên quan đến việc tính thuế tài nguyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giá tính thuế tài nguyên

Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2027 ban hành kèm theo Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, gồm:

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại (Phụ lục 01);
2. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên (Phụ lục 02);
3. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với hải sản tự nhiên (Phụ lục 03);
4. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên (Phụ lục 04);
5. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với yến sào thiên nhiên (Phụ lục 05).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, nhóm IV, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định tại khoản 48 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật địa chất và khoáng sản.

2. Thuế Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Tính toán, xác định mức thu, trực tiếp quản lý thu thuế tài nguyên niêm yết công khai Bảng giá tính thuế tài nguyên tại trụ sở cơ quan thuế và gửi về Tổng cục Thuế để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tính thuế tài nguyên.

b) Theo dõi sự biến động giá thực tế của các loại tài nguyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Khi giá bán thực tế các loại tài nguyên có biến động, Thuế Thành phố có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài chính biết để chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên theo quy định trong các trường hợp sau:

- Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động giảm trên 20% so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành;

- Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động thấp hơn nhưng không quá 20% so với mức giá tối thiểu hoặc cao hơn nhưng không quá 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành;

- Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động tăng trên 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành;

- Trường hợp phát sinh loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt theo quy định tại khoản 48 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật địa chất và khoáng sản.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 và thay thế Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: CPVP/ĐT;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (...)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**